

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2021/HNGĐ-TLST ngày 12/5/2021, về việc “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh ngày 13/02/1992 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Số 19, đường P, khu Đ, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được anh Đ ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng : Chị Ngô Thị B, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xã C, huyện Bì, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay : Căn hộ 1601, Tòa nhà M3-M4 Khu B, số 91 Nguyễn Chí T, phường Láng H, Quận Đ, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 02/8/1994 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT : Thôn Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở : Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc - Nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Q, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 18/02/2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do, vợ chồng bất hòa, không tìm thấy tiếng nói chung. Tháng 7/2020 anh đi Đài

Loan lao động để làm kinh tế và cũng để cải thiện tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Chị M đã đưa con về nhà mẹ để sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Bảo C, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Trần Thiện P, sinh ngày 02/8/2019. Hiện nay hai cháu đang ở với mẹ, ly hôn do anh đang ở nước ngoài nên anh đồng ý để chị M chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Theo lời khai của bị đơn – chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Đ tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 18/02/2013. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không có lập trường, luôn nghe lời mẹ đẻ, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Tháng 7/2020 anh Đ đi Đài Loan lao động, thời gian đầu vợ chồng liên lạc với nhau, sau đó do mâu thuẫn nên hai bên đã chấm dứt liên lạc. Tháng 3/2021 chị đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ có đơn xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung là cháu Trần Thị Bảo C, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Trần Thiện P, sinh ngày 02/8/2019. Hiện hai con đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị xem xét.

Do điều kiện công việc nên anh Đ không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn, anh ủy quyền cho chị Ngô Thị B giao, nhận các văn bản của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của chị Ngô Thị B, chị B có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của anh Đ. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, chị B đã thông tin cho anh Đ biết, anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị M, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh Đ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M mỗi con 1.500.000đ/tháng.

Cháu Trần Thị Bảo C là con chung của anh Đ, chị M có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Đ và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Đ được ly hôn chị M. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo C, sinh

ngày 23/02/2014 và cháu Trần Thiện P, sinh ngày 02/8/2019 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy các văn bản anh Đ nộp cho Tòa án bao gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, nên những tài liệu này là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho chị M. Chị M, anh Đ đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 18/02/2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh Đ và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ có đơn xin ly hôn, chị M cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

- *Về con chung:* Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị M có hai con chung là Trần Thị Bảo C, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Thiện P, sinh ngày 02/8/2019. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh Đ có quan điểm đồng ý. Xét thực tế anh Đ đang ở nước ngoài, không có điều kiện để chăm sóc các con, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các con cũng như nguyện vọng của các đương sự, cần tiếp tục giao cháu C và cháu P cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ không trực tiếp nuôi con nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị M mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí

và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Bảo C, sinh ngày 23/02/2014 và Trần Thiện P, sinh ngày 02/8/2019 cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị M mỗi con là 1.500.000đ/tháng (hai con là 3.000.000đ/tháng), thời gian từ tháng 7/2021 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Anh Trần Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do chị Ngô Thị B nộp thay, theo biên lai thu số AA/2018/0005986 ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Đ, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

